

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

Giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều

Trong tuần từ ngày 03 đến 07/01/2025 giá cà phê tăng tại sàn giao dịch London nhưng giảm tại sàn giao dịch New York.

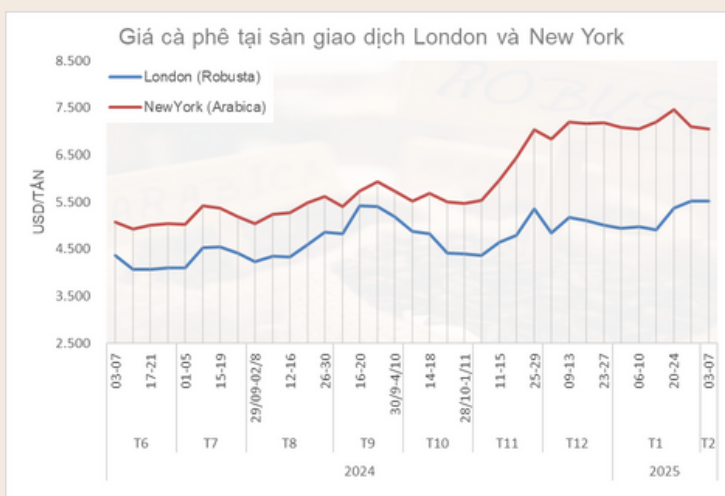
Xuất khẩu cà phê thế giới tháng 12/2024

Theo ICO, xuất khẩu cà phê thế giới tháng 12/2024 đạt 10,73 triệu bao giảm 12,4% so với cùng kỳ năm trước do xuất khẩu tại các nước sản xuất chính giảm.

Brazil

Hiệp hội các nhà rang xay cà phê Brazil lo ngại giá cà phê tăng cao khiến một số công ty bán các sản phẩm cà phê giả.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

WORLD

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI TĂNG TẠI HAI THỊ TRƯỜNG

Trong tuần 03/02/2025 đến 07/02/2025, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2025 tại thị trường London đạt 5.526 USD/tấn, tăng 0,1% so với tuần trước và tăng 70,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.601 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.453 USD/tấn. [1]

CONSULTING

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2025 bình quân đạt 7.059 USD/tấn, giảm 0,5% so với mức giá tuần trước, và tăng 67,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.206 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.977 USD/tấn. [1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THẾ GIỚI THÁNG 12/2024

Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 12/2024 giảm 12,40% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 10,73 triệu bao. Điều này khiến tổng lượng xuất khẩu trong ba tháng đầu niên vụ 2024/2025 giảm 0,80% so với năm trước, còn 32,25 triệu bao.[2]

Xuất khẩu từ khu vực Nam Mỹ trong tháng 12/2024 giảm 2,10% so với cùng kỳ năm trước, đạt 5,60 triệu bao. Xuất khẩu từ khu vực châu Á giảm mạnh 31,20%, đạt 3,31 triệu bao. Xuất khẩu cà phê khu vực này giảm do sản lượng xuất khẩu từ Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia giảm. Ngược lại, xuất khẩu từ châu Phi tăng 8,00%, đạt 1,21 triệu bao. [2]

INDONESIA

Theo Chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê Robusta của đảo Sumatra – khu vực sản xuất cà phê lớn nhất nước này – trong tháng 12 năm 2024 đạt 270.692 bao, tăng 345,15% so với cùng kỳ năm trước.

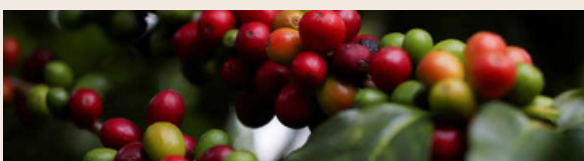
Tính chung 7 tháng niên vụ 2024/2025 (từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2024), xuất khẩu cà phê Robusta của Sumatra đạt 2,5 triệu bao, tăng 34,13% so với cùng kỳ năm trước.[3]

Sản lượng cà phê của Indonesia niên vụ 2024/2025 (từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025) ước đạt 10 triệu bao. Trong đó, 85% là cà phê Robusta và phần còn lại là Arabica.[3]

BRAZIL

Hiệp hội các nhà rang xay cà phê Brazil (ABIC) lo ngại rằng giá cà phê tăng cao đang khiến một số công ty bán các sản phẩm cà phê giả trên thị trường nội địa. ABIC đã phát hiện các sản phẩm bột được bán như cà phê nhưng thực tế không chứa hạt cà phê. Những sản phẩm này có thể bao gồm chất thải từ cà phê như vỏ, lá, bột từ các loại thực vật khác và hương liệu cà phê nhân tạo. [4]

Giá cà phê ở Brazil đã tăng hơn 50% trong ba tháng qua do nguồn cung hạn chế sau các vấn đề thời tiết ở các nước sản xuất. ABIC đã liên hệ với các cơ quan y tế và Bộ Nông nghiệp Brazil để xác minh tính hợp pháp của các sản phẩm này. Một trong những sản phẩm như vậy có tên "Oficial do Brasil", với bao bì tương tự các nhãn hiệu cà phê rang xay. Công ty sản xuất, Master Blends, cho biết họ tạo ra sản phẩm này để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đang chịu ảnh hưởng từ giá cao và sản phẩm đã được chính phủ phê duyệt. Hiện tại, những sản phẩm này được bán ở Brazil với giá khoảng một phần ba so với cà phê thông thường.[4]



HOA KỲ

Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ (NCA) đã công bố Báo cáo Triển vọng Cà phê Hoa Kỳ năm 2025, trong đó dự báo ngành cà phê nước này sẽ tăng trưởng nhẹ trong năm tới. Hoa Kỳ vẫn là quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, với mức tiêu thụ ước tính khoảng 24 triệu bao mỗi năm. Báo cáo của NCA cho thấy doanh số bán cà phê tại Hoa Kỳ năm 2024 đạt 19,70 tỷ USD và dự kiến sẽ tăng nhẹ trong năm nay.[5]

TRUNG QUỐC

Yum China, công ty sở hữu chuỗi nhà hàng KFC tại Trung Quốc, đã xác định cà phê là động lực tăng trưởng quan trọng cho thương hiệu này. Thương hiệu KCOFFEE ra mắt năm 2015, đã mở rộng từ khoảng 50 cửa hàng vào năm 2023 lên 700 cửa hàng vào cuối năm 2024. KCOFFEE được bán tại 11.648 cửa hàng KFC tại Trung Quốc, với 250 triệu cốc được bán ra trong năm 2024, tăng 30% so với năm 2023. Yum China dự định mở rộng mô hình quán cà phê này lên 1.300 cửa hàng vào cuối năm 2025. Doanh thu năm 2024 của KFC tăng 3% so với năm trước, đạt 8,5 tỷ USD, chiếm khoảng 70% tổng doanh thu của tập đoàn.[6]



DIỂM TIN

Giá cà phê tăng trong tuần từ 03-07/01/2025

Giá cà phê trong nước tăng do nguồn cung trong nước giảm, người dân không bán chờ giá cao hơn.

Xuất khẩu cà phê tháng 1/2025

Tháng 1/2025, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 154,6 nghìn tấn, trị giá 799,48 triệu USD.

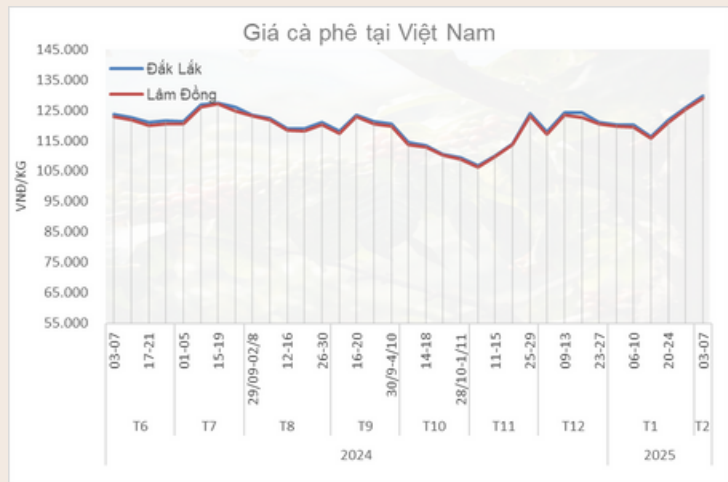
Đắk Nông

Năm 2024, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Nông đạt 280 triệu USD, chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Gia Lai

Năm 2024, cà phê là ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh Gia Lai với kim ngạch đạt 620 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 03/02/2025 đến 07/02/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 129.673 VNĐ/kg, tăng 2,99% so với tuần trước, và tăng 65,03% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 130.433 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 128.333 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 128.940 VNĐ/kg, tăng 3,04% so với tuần trước, và tăng 65,65% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 129.800 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 127.600 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 1/2025

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, tháng 1 năm 2025, Việt Nam đã xuất khẩu 154.635 tấn cà phê, kim ngạch đạt 799,48 triệu USD. Trong đó, cà phê nhân xuất khẩu đạt 137.568 tấn, trị giá 694,93 triệu USD, giảm 38,2% về khối lượng nhưng tăng 8,8% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. [2]

Cà phê đã chế biến xuất khẩu 17.067 tấn, trị giá 104,55 triệu USD (khối lượng đã được quy đổi theo quy định của ICO), chiếm tỷ trọng 11% tổng khối lượng và 13,1% tổng kim ngạch các loại cà phê xuất khẩu. [2]

ĐẮK NÔNG

Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Đắk Nông đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 14,9% so với năm 2023. Trong đó, giá trị xuất khẩu cà phê đạt 280 triệu USD, chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Cà phê Đắk Nông hiện được phân phối đến các thị trường lớn như Singapore, Tây Ban Nha, Đức, Bỉ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Trung Quốc, Thụy Sĩ,...[3]

GIA LAI

Năm 2024, cà phê tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong xuất khẩu của tỉnh Gia Lai, với sản lượng đạt 210.000 tấn và kim ngạch 620 triệu USD, tăng 26,53% so với năm 2023. Thị trường xuất khẩu mở rộng lên 50 quốc gia. Đặc biệt, lần đầu tiên, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp trở thành doanh nghiệp dẫn đầu cả nước về xuất khẩu cà phê với kim ngạch trên 520 triệu USD trong niên vụ 2023/2024.

Cà phê hiện là cây trồng chủ lực của tỉnh, với diện tích hơn 106.400 ha, trong đó diện tích kinh doanh đạt 94.270 ha, năng suất trung bình 3,3 tấn/ha, sản lượng khoảng 312.100 tấn/năm. Khoảng 46.000 ha đã được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, 4C, Rainforest, Organic,...[4]

Ngoài việc đảm bảo chất lượng đồng nhất phục vụ xuất khẩu, các doanh nghiệp và hợp tác xã trong tỉnh đang hướng tới mô hình nông nghiệp xanh, sạch, bền vững. Quá trình canh tác và sản xuất được thực hiện theo hướng bảo tồn đa dạng sinh học và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.[4]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	127.800	129.700	127.600	129.800	129.800	128.940	3.800
Di Linh	127.800	129.700	127.600	129.800	129.800	128.940	3.800
Lâm Hà	127.800	129.700	127.600	129.800	129.800	128.940	3.800
Bảo Lộc	127.800	129.700	127.600	129.800	129.800	128.940	3.800
ĐẮK LẮK	128.733	130.433	128.333	130.433	130.433	129.673	3.960
Cư M'gar	128.800	130.500	128.400	130.500	130.500	129.740	3.960
Ea H'leo	128.700	130.400	128.300	130.400	130.400	129.640	3.960
Buôn Hồ	128.700	130.400	128.300	130.400	130.400	129.640	3.960
ĐẮK NÔNG	128.950	130.650	128.550	130.650	130.650	129.890	3.980
Gia Nghĩa	129.000	130.700	128.600	130.700	130.700	129.940	4.020
Đắk R'lấp	128.900	130.600	128.500	130.600	130.600	129.840	3.940
GIA LAI	128.733	130.433	128.333	130.433	130.433	129.673	4.127
Chư Prông	128.800	130.500	128.400	130.500	130.500	129.740	4.160
Pleiku	128.700	130.400	128.300	130.400	130.400	129.640	4.160
La Grai	128.700	130.400	128.300	130.400	130.400	129.640	4.160
KON TUM	128.800	130.500	128.400	130.500	130.500	129.740	4.240
Đắk Hà	128.800	130.500	128.400	130.500	130.500	129.740	4.240

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

[1]: <https://www.investing.com>[2]: [Tổ chức cà phê Thế giới](#)[3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)[4]: [Reuters](#)[5]: [Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ](#)[6]: comunicaffe.com

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

[1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên

[2]: [Báo Công Thương](#)[3]: [Báo Đắk Nông](#)[4]: [Báo Gia Lai](#)